

Bản án số: 20/2021/DS-ST

Ngày: 21/01/2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng hợp tác

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hoàng Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Quang.

2. Bà Phạm Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Sâm – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gấm - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2021 tại Tòa án nhân dân quận T, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 285/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 07 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng góp vốn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 329/2020/QĐXX-ST ngày 28 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Đình Phụng N, sinh năm 1989. Địa chỉ: 26/3 đường Đ, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trà Thị Thu Th, sinh năm 1995 (Theo Giấy ủy quyền ngày 24/11/2020).

Bị đơn: Ông Võ Văn T1, sinh năm 1967; Địa chỉ: 86/1 đường P, Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Công ty Cổ phần FGH V; Trụ sở: Lầu 4, 65 đường Q, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- Bà Trương Hồng Cát P, sinh năm 1968. Địa chỉ: 86/1 đường P, Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 11/6/2020 và trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Đình Phụng N (sau đây gọi tắt là bà N) và Công ty Cổ phần FGH V (sau đây gọi tắt là Công ty) có ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh số: 031/2016/HĐHTKD ngày 04/7/2016, số tiền bà N hợp tác là 2.000.000.000 đồng, mục đích hợp tác là thành lập và kinh doanh chuỗi 10 nhà hàng FG mang

thương hiệu Zen Bay, thời hạn hợp đồng là 10 năm kể từ ngày ký, lịch thanh toán lãi hàng tháng được quy định tại Phụ lục 6 và Phụ lục 7 của hợp đồng. Từ năm 2017, Công ty đã ngừng việc báo cáo tình hình hoạt động của chuỗi nhà hàng cũng như thanh toán lợi nhuận hàng tháng cho bà N mặc dù bà N đã nhiều lần gửi thông báo yêu cầu Công ty thực hiện đúng thỏa thuận trong Hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Sau nhiều lần bà N thương lượng và yêu cầu hoàn trả tiền không thành, ông Võ Văn T1 (là đại diện theo pháp luật của Công ty) đã ký Giấy cam kết số 06 ngày 11/06/2019 với tư cách cá nhân có nội dung sẽ thanh toán cho bà N 2.000.000.000 đồng nhằm mục đích chấm dứt quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng hợp tác, góp vốn theo tiến độ như sau: Đợt 1 thanh toán 1.200.000.000 đồng từ ngày 11/06/2019 - 20/06/2019; Đợt 2 thanh toán 300.000.000 đồng vào ngày 20/09/2019 và Đợt 3 thanh toán 500.000.000 đồng vào ngày 20/06/2020. Trường hợp không thanh toán đúng thời hạn, ông T1 còn phải trả cho bà N lãi suất 0.05% cho mỗi ngày chậm thanh toán.

Cam kết là vậy nhưng ông T1 không thực hiện nên bà N khởi kiện yêu cầu ông T1 phải thanh toán ngay một lần số tiền 2.000.000.000 đồng tiền nợ gốc của quá trình chuyển từ vốn góp hợp đồng hợp tác sang nợ cá nhân và tiền lãi chậm thanh toán trên từng đợt vi phạm tạm tính đến ngày 21/01/2021 là 474.700.000 đồng, cụ thể như sau:

- Lãi chậm thanh toán đợt 1, tạm tính từ ngày 21/6/2019 đến ngày 21/01/2021 là $1.200.000.000 \text{ đồng} \times 0.05\%/\text{ngày} \times 580 \text{ ngày} = 348.000.000 \text{ đồng}$.

- Lãi chậm thanh toán đợt 2, tạm tính từ ngày 21/9/2019 đến ngày 21/01/2021 là $300.000.000 \text{ đồng} \times 0.05\%/\text{ngày} \times 488 \text{ ngày} = 73.200.000 \text{ đồng}$.

- Lãi chậm thanh toán đợt 3, tạm tính từ ngày 21/6/2020 đến ngày 21/01/2021 là $500.000.000 \times 0.05\% / \text{ngày} \times 214 \text{ ngày} = 53.500.000 \text{ đồng}$.

Yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ tổng số tiền gốc và lãi là 2.474.700.000 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành. Ngoài ra, bị đơn còn có trách nhiệm thanh toán lãi phát sinh từ ngày 22/01/2021 cho đến khi trả hết các khoản nợ trên theo lãi suất đã thỏa thuận trong Giấy cam kết ký số 06 ký ngày 11/06/2019.

Nguyên đơn yêu cầu cá nhân bị đơn có trách nhiệm thanh toán, không có yêu cầu cá nhân hay pháp nhân nào khác liên đới cùng trả khoản tiền trên.

Bị đơn là ông Võ Văn T1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty Cổ phần FGH V và bà Trương Hồng Cát P vắng mặt suốt quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền; xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ, hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai

chứng cứ; thời hiệu khởi kiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Căn cứ các T1 liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa thì có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

- Về quan hệ tranh chấp: Trước đây, theo đơn khởi kiện thì vụ án được thụ lý với quan hệ tranh chấp là “Hợp đồng góp vốn”. Căn cứ hợp đồng hợp tác kinh doanh cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cần điều chỉnh lại quan hệ tranh chấp là “Hợp đồng hợp tác” theo quy định tại Điều 504, Điều 505 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo kết quả xác minh của Công an Phường 02, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện “ông Võ Văn T1 cùng bà Trương Hồng Cát P đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 86/1 đường P, Phường H, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Nhưng thực tế không ở địa chỉ trên và hiện nay bán nhà đi nơi khác không rõ địa chỉ”. Căn cứ tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì tại thời điểm ký kết hợp đồng, ông T1 khai địa chỉ như trên. Sau đó, ông T1 thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới. Do đó, căn cứ Điều 40 Bộ luật Dân sự 2015 thì nơi cư trú của ông Võ Văn T1 được xác định là tại 86/1 đường P, Phường H, quận Tân Bình. Bà Nguyễn Đình Phụng N có đơn khởi kiện đối với ông Võ Văn T1 tại Tòa án nhân dân quận T là phù hợp quy định của pháp luật về thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự có mặt của Viện kiểm sát tại phiên tòa: Do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 BLTTDS.

[1.3] Về tư cách tham gia tố tụng:

- Xét Văn bản ủy quyền ngày 24/11/2020 là ủy quyền hợp lệ nên bà Trà Thị Thu Th có đủ tư cách đại diện nguyên đơn tham gia tố tụng tại Tòa án.

- Đối với Bị đơn là ông Võ Văn T1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty Cổ phần FGH V và bà Trương Hồng Cát P: Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến Tòa để trình bày ý kiến; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Theo giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 764/UBND-XNTTHN ngày 10/9//2019 của Ủy ban nhân dân Phường 14, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh và lời cam kết của nguyên đơn thì nguyên đơn chưa đăng ký kết hôn nên không có căn cứ để đưa thêm người vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

- Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện bà Trương Hồng Cát P có quan hệ hôn nhân với bị đơn đồng thời theo yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xét thấy cần thiết đưa bà P vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Võ Văn T1 trả số tiền nợ gốc là 2.000.000.000 đồng, thấy: Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 031/2016/HĐHTKD ngày 04/07/2016, khoản 1.5 Điều 1 Phụ lục 4 được ký giữa bà Nguyễn Đình Phụng N và Công ty Cổ phần FGH V là phù hợp với điểm a khoản 1 Điều 510 Bộ luật dân sự năm 2015.

Theo Giấy cam kết số 06 ký ngày 11/06/2019, bà N và ông T1 thỏa thuận ông T1 có trách nhiệm thanh toán cho bà N số tiền đã góp vốn là 2.000.000.000 đồng. Xét, thỏa thuận giữa hai bên là tự nguyện và phù hợp theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của bà N.

- Xét yêu cầu bị đơn ông Võ Văn T1 trả lãi suất chậm thanh toán theo từng đợt tạm tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán đến ngày 21/01/2021 là 474.700.000 đồng của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ Giấy Cam kết ký số 06 ký ngày 11/06/2019, bà N và ông T1 thỏa thuận lãi suất chậm thanh toán là 0,05%/ngày tương đương 18,25%/năm, thời gian tính lãi, số tiền lãi là phù hợp với quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do các bên có thỏa thuận lãi suất nên bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy cam kết số 06 ký ngày 11/06/2019 kể từ ngày 22/01/2021 cho đến khi thi hành án xong.

- Về phương thức và thời hạn thanh toán: Xét, bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã lâu, gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, do đó việc buộc bị đơn thanh toán một lần toàn bộ số tiền gốc và lãi ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do bà N yêu cầu cá nhân ông Võ Văn T1 thanh toán toàn bộ số nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm liên đới mà chỉ buộc ông T1 có trách nhiệm trả nợ cho bà N.

[2.2] Xét ý kiến bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do chính đáng, điều này cho thấy bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tự từ chối quyền

được trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh: Yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp theo quy định pháp luật, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí là 81.494.000 đồng.

Hoàn lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp là 39.650.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 21, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 328, Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 468, Điều 504, Điều 505, Điều 510 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

- Buộc ông Võ Văn T1 phải thanh toán cho bà Nguyễn Đình Phụng N số tiền vốn gốc là 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng, lãi suất chậm thanh toán tính đến ngày 21/01/2021 là 474.700.000 (bốn trăm bảy mươi bốn triệu bảy trăm ngàn) đồng, tổng cộng gốc và lãi là 2.474.700.000 (hay tỷ bốn trăm bảy mươi bốn triệu bảy trăm ngàn) đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Kể từ ngày 22/01/2021 cho đến khi thi hành án xong, ông Võ Văn T1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận của Giấy cam kết số 06 ký ngày 11/6/2019.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Võ Văn T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 81.494.000 (tám mươi một triệu bốn trăm chín mươi bốn ngàn) đồng.

- Hoàn lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí số tiền 39.650.000 (ba mươi chín triệu sáu trăm năm mươi ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016619 ngày 02/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND quận T;
- CCTHADS quận T;
- Các đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Hoàng Mai